

THÔNG BÁO
Tuyển sinh trình độ tiến sĩ năm 2024

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa

1.2. Trình độ ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại **Phụ lục 1** của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

1.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài

Nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.4. Đề cương nghiên cứu

7



Đề cương nghiên cứu cần cung cấp một cái nhìn toàn diện về các công trình đã được công bố liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Cần phải rõ ràng về lý do chọn lựa hướng nghiên cứu, bao gồm mục tiêu cần đạt được, các nhiệm vụ sẽ thực hiện, và những kết quả nghiên cứu dự kiến đạt được. Cần thể hiện rõ năng lực của người dự tuyển thông qua việc mô tả những kinh nghiệm và kiến thức đã tích lũy, cũng như sự chuẩn bị cụ thể cho dự án nghiên cứu đề xuất.

1.5. Người hướng dẫn

Mỗi nghiên cứu sinh (NCS) có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với trường đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

2. Hình thức tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Xét tuyển thông qua Hồ sơ dự tuyển và Đề cương nghiên cứu (Ngành, mã số ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, ngành phù hợp chi tiết tại **Phụ lục 2**).

- Thời gian đào tạo là 03 năm (36 tháng) với người dự tuyển có bằng thạc sĩ và 04 năm (48 tháng) đối với người dự tuyển tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên.

3. Hình thức đào tạo và ngành đào tạo

3.1. Hình thức đào tạo:

Đào tạo theo hình thức Giáo dục chính quy, NCS phải tuân thủ thời gian học tập và nghiên cứu tại trường Đại học Giao thông vận tải TP. HCM theo kế hoạch đã được phê duyệt. NCS được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch nhưng tổng thời gian đào tạo không được vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho cơ sở đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Trường.

3.2. Ngành đào tạo:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến
1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9520216	6
2	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	6
3	Khoa học Hàng hải	9840106	8
4	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9580205	8



5	Tổ chức và Quản lý vận tải	9840103	9
6	Quản lý xây dựng	9580302	8

4. Hồ sơ xét tuyển

4.1. Hình thức đăng ký

- Đăng ký online qua đường link: <https://sdh.ut.edu.vn/dang-ky-tuyen-sinh-tien-si/>.

Lưu ý: Toàn bộ hồ sơ là các file scan, người dự tuyển dự tuyển chịu trách nhiệm về mặt pháp lý với nội dung kê khai và các văn bản nộp hồ sơ trực tuyến.

4.2. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển bao gồm các giấy tờ và biểu mẫu kèm theo theo link đăng ký dự tuyển được cung cấp ở trên (ứng viên chỉ cần thực hiện các bước hướng dẫn trên link đăng ký).

4.3. Quy trình và thời gian xét tuyển

Quy trình:

- Người dự tuyển đăng ký dự tuyển bằng cách nộp hồ sơ online vào:
<https://sdh.ut.edu.vn/dang-ky-tuyen-sinh-tien-si/>

Thời gian xét tuyển:

- Nhà trường thực hiện tuyển sinh trình độ tiến sĩ nhiều đợt trong năm.
- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo tới ngày có thông báo mới.
- Thời gian xét tuyển sinh: Nhà trường sẽ tổ chức xét tuyển 2 tháng một lần.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển và nhập học: 05 ngày làm việc kể từ ngày người dự tuyển dự tuyển hoàn thiện đề cương nghiên cứu theo yêu cầu của hội đồng đánh giá đề cương và được người hướng dẫn xác nhận.

- Sau khi có kết quả trúng tuyển, người dự tuyển nộp bổ sung các văn bằng, chứng chỉ bản công chứng và mang bản chính đến để đối chiếu tại Viện Đào tạo sau đại học – Phòng B201 – Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Lệ phí tuyển sinh và học phí

5.1. Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí xét tuyển: 1.500.000 đồng/người dự tuyển.
- Hình thức nộp lệ phí: Người dự tuyển nộp lệ phí theo hình thức chuyển khoản:
Tên tài khoản: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng: Vietinbank (Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam)

Số tài khoản: 1100 0012 6050

Nội dung chuyển khoản: “dự tuyển tiến sĩ 2024 - HỌ VÀ TÊN - Ngành đào tạo”

Ví dụ: du tuyen tien si 2024 Nguyen Van A

5.2. Học phí

Học phí chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ (được tính theo tín chỉ) và lộ trình tăng học phí, theo quy định hiện hành.

Học phí: 33.300.000 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng)/1 năm học.

Hình thức nộp lệ phí: Người dự tuyển nộp lệ phí theo hình thức chuyển khoản

Tên tài khoản: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng: Vietinbank (Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam).

Số tài khoản: 1100 0012 6050

Nội dung chuyển khoản: “dự tuyển tiến sĩ 2024 - HỌ VÀ TÊN - Ngành đào tạo”.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Tập thể lãnh đạo (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSĐH (Thu:03b).



NGƯT.TS. Lê Văn Vang

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên



PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC NGÀNH TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2024

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Ngành/ nhóm ngành tốt nghiệp đại học thạc sĩ phù hợp
1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9520216	6	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 2. Kỹ thuật viễn thông 3. Kỹ thuật điện tử 4. Kỹ thuật nhiệt 5. Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo 6. Kỹ thuật điện 7. Kỹ thuật đo lường và tin học công nghiệp
2	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	6	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ thuật cơ khí động lực 2. Kỹ thuật ô tô 3. Kỹ thuật cơ khí 4. Cơ kỹ thuật 5. Kỹ thuật cơ điện tử 6. Kỹ thuật nhiệt 7. Kỹ thuật công nghiệp 8. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp 9. Kỹ thuật hàng không 10. Kỹ thuật tàu thủy 11. Kỹ thuật không gian 12. Kỹ thuật an toàn giao thông
3	Khoa học hàng hải	9840106	8	<ol style="list-style-type: none"> 13. Khai thác vận tải 14. Kinh tế vận tải 15. Quản lý hoạt động bay 16. Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 17. Tổ chức và quản lý vận tải 18. Khoa học hàng không 19. Khoa học dữ liệu 20. Toán ứng dụng

TH
TR
ĐA
TH
THA
Ổ C

7

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Ngành/ nhóm ngành tốt nghiệp đại học thạc sĩ phù hợp
				21. Kỹ thuật xây dựng công trình biển 22. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 23. Kỹ thuật điện 24. Kỹ thuật viễn thông 25. Kỹ thuật cơ khí động lực 26. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 27. Các ngành khác thuộc nhóm: Kinh doanh và quản lý, kinh tế học, quản trị-quản lý, quản lý xây dựng, kiến trúc và quy hoạch, quản lý công nghiệp, máy tính và công nghệ thông tin.
4	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9580205	8	1. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông 2. Kỹ thuật xây dựng 3. Kỹ thuật xây dựng công trình thủy 4. Kỹ thuật xây dựng công trình biển 5. Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm 6. Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt 7. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng 8. Địa kỹ thuật xây dựng 9. Kỹ thuật tài nguyên nước 10. Kỹ thuật cấp thoát nước 11. Kinh tế xây dựng 12. Quản lý xây dựng 13. Công nghệ kỹ thuật xây dựng cầu đường 14. Địa chất thủy văn - công trình 15. Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng 16. Quản lý đô thị và công trình 17. Xây dựng cầu - đường 18. Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng 19. Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Ngành/ nhóm ngành tốt nghiệp đại học thạc sĩ phù hợp
5	Tổ chức và quản lý vận tải	9840103	9	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khai thác vận tải 2. Kinh tế vận tải 3. Quản lý hoạt động bay 4. Khoa học hàng hải 5. Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 6. Tổ chức và quản lý vận tải 7. Khoa học hàng không 8. Khoa học dữ liệu 9. Toán ứng dụng 10. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 11. Các ngành khác thuộc nhóm: Kinh doanh và quản lý, kinh tế học, quản trị-quản lý, quản lý xây dựng, kiến trúc và quy hoạch, quản lý công nghiệp, máy tính và công nghệ thông tin.
6	Quản lý xây dựng	9580302	8	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế xây dựng 2. Quản lý dự án 3. Bất động sản 4. Quản lý đô thị và công trình 5. Kỹ thuật xây dựng 6. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông 7. Kỹ thuật xây dựng công trình thủy 8. Kỹ thuật xây dựng công trình biển 9. Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm 10. Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt 11. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng 12. Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng 13. Công nghệ kỹ thuật xây dựng 14. Công nghệ kỹ thuật giao thông 15. Quản lý công nghiệp 16. Kinh tế đầu tư

G
C
AN T
I
NH

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Ngành/ nhóm ngành tốt nghiệp đại học thạc sĩ phù hợp
				17. Kinh tế phát triển 18. Quản lý kinh tế 19. Quản trị kinh doanh 20. Quản lý xây dựng

Đối với những ngành đào tạo người dự tuyển tốt nghiệp trình độ thạc sĩ hoặc đại học (hoặc tương đương trở lên) ở nước ngoài về; những ngành đào tạo trước đây đã thay đổi so với danh mục thống kê ngành đào tạo của Bộ GDĐT; những ngành đào tạo phù hợp nhưng chưa được thống kê tại Phụ lục này sẽ do Hội đồng chuyên môn của Nhà trường xem xét, quyết định. *z*

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	04 -06 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố, ...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	Luận án và các bài công bố, ...

Lưu ý: phân in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.